TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2023
V/v: "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Lộc.
Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Đặng Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc:*"Yêu cầu không công nhận là vợ chồng"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/5/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị H**; sinh năm: 1973 *(có mặt)*
Địa chỉ: Khu A-Ph, Thị trấn N-M, huyện Ph-C, Bình Định.

- *Bị đơn*: Ông **Hà Văn L;** sinh năm: 1970 *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu A-Ph, Thị trấn N-M, huyện Ph-C, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/12/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Hà Văn L sống chung với nhau như vợ chồng từ đầu năm 1990, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý nhưng không tổ chức lễ cưới và cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do bà và ông L không đăng ký kết hôn một phần là do không hiểu biết pháp luật, một phần là lo làm ăn nên không chú trọng đến việc đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, đời sống chung giữa bà và ông L hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài. Đến năm 2016 giữa bà và ông L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn là do ông L nghi ngờ bà sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác.

Xuất phát từ sự hiểu lầm của anh Hà Thành L1 (con trai thứ giữa bà và ông L) về mối quan hệ giữa bà với người đàn ông tên Huỳnh Văn Th. Khi nghe anh L1 kể lại việc ông Th uống rượu say, ngủ trên võng tại quán nhậu do bà làm chủ, ông L cho rằng bà có quan hệ ngoại tình với người đàn ông này nên ông L đã nhiều lần đánh đập, hành hạ bà. Tuy nhiên, sau đó được hai bên gia đình tổ chức hòa giải và bà và ông L đã quay lại sống chung với nhau. Tuy nhiên, sau khi quay về sống chung, ông L vẫn tiếp tục chửi bới, đánh đập bà nên năm 2021 bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông L đã chủ động hòa giải nên bà cố ý không chấp hành giấy triệu tập để đến Tòa án làm việc, Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án. Từ khi Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án, đời sống chung giữa bà và ông L cũng không hạnh phúc, ông L tiếp tục đánh đập, đe dọa giết bà nên bà phải ra thuê nhà sống riêng.

Nay bà nhận thấy tình cảm giữa bà và ông L không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà khởi kện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông L là vợ chồng.

* *Về quan hệ con chung*: Giữa bà và ông L có 03 người con chung nhưng đều đã thành niên, sức khỏe, thể chất đang phát triển bình thường và đều đã có vợ, có chồng. Do vậy, nếu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông L là vợ chồng thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

* *Về quan hệ tài sản*: Tài sản chung giữa bà và ông L bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 01/02/2023, bị đơn ông Hà Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian và điều kiện để ông và H sống chung với nhau như vợ chồng.

Quá trình chung sống, đời sống chung giữa ông và bà H hạnh phúc bình thường, có con chung và tài sản chung. Đến năm 2016, giữa ông và bà H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn là do bà H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác tên là Huỳnh Văn Th ở xã C-Nh, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ. Khi phát hiện bà H có quan hệ ngoại tình, do không kiềm chế được cảm xúc, ông có đánh bà H vài bạt tai. Tuy nhiên, sau đó mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và các con tổ chức hòa giải, ông bỏ qua thiếu sót của bà H để tạo điều kiện cho hai người quay về sống chung.

Bản thân ông làm nghề lái xe tải đường dài, ít có thời gian ở nhà. Khi về nhà, ông nghe dư luận đàm tiếu thời gian gần đây bà H tiếp tục có quan hệ ngoại tình với nhiều người đàn ông khác (ông không biết tên và địa chỉ) nên quan hệ giữa ông và bà H tiếp tục phát sinh mâu thuẫn. Năm 2021 bà H có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông nhưng sau đó không hiểu sao Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ tháng 11/2022 bà H tự ý ra ngoài thuê nhà sống riêng cho đến nay.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà H không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà H là vợ chồng thì ông đồng ý.

* *Về quan hệ con chung:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà H như trên là đúng. Nếu Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông và bà H là vợ chồng thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

* *Về quan hệ tài sản*: Ông không tranh chấp chia tài sản chung giữa ông và bà H nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn cố ý lẩn tránh, từ chối đến Tòa án để tham gia tố tụng thì phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hà Vă L có nơi cư trú cuối cùng tại khu A-Ph, thị trấn N-M, huyện Ph-C, tỉnh B-Đ. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng ông L cố ý lẩn tránh không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn ông Hà Văn L phải gánh chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án thấy rằng:

[2.1] Bà H và ông L đều thừa nhận, giữa ông bà bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay trên cơ sở tự nguyện, có con chung và tài sản chung, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, đời sống chung giữa bà H và ông L hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài. Đến năm 2016 giữa ông, bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chính làm phát sinh mâu thuẫn là do ông L nghi ngờ bà H sống không chung thủy, có ngoại tình với người đàn ông khác. Do vậy, giữa bà H và ông L đã thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, thậm chí xô xát, đánh nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng mức độ mâu

thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng. Năm 2021, bà H đã có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà và ông L là vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, các bên đã tự hòa giải với nhau, bà H cố ý vắng mặt khi Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ ngày Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án cho đến nay, đời sống chung giữa bà H và ông L không có hạnh phúc, mức độ mâu thuẫn giữa hai người ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hòa giải để đoàn tụ. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông L là vợ chồng. Yêu cầu khởi kiện của bà H được ông L chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm - 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Bà H và ông L thống nhất có 03 người con chung nhưng đều đã thành niên, sức khỏe, thể chất đang phát triển bình thường và đều đã có vợ, có chồng. Nếu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà H và ông L là vợ chồng thì ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[3] *Về quan hệ tài sản*: Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về án phí DSST*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà H và ông L là vợ chồng. Đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 1 Điều 238, các Điều 264, 266, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 14, khoản 2 Điều 53, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Hà Văn L là vợ chồng.

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị H và ông Hà Văn L là vợ chồng.

1.2. Về quan hệ con chung:

Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

1.3. Về quan hệ tài sản chung:

Các đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Án phí DSST: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí không công nhận là vợ chồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011808 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng ông Hà văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận tống đạt trực tiếp hoặc niêm yết công khai hợp lệ bản án.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND huyện Ph-C;
- THADS huyện Ph-C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quyến